TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VŨ THƯ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 29/2020/QĐST-HNGĐ	*Vũ Thư, ngày 02 tháng 3 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨ THƯ, TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 34/2020/TLST-VDS ngày 19 tháng 02 năm 2020 về yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Anh **Vũ Ngọc L**, sinh năm 1983.

Chị **Dương Thị L1**, sinh năm 1979.

Đều cư trú: Thôn M, xã V, huyện V, tỉnh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh L và chị L1 tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện V, tỉnh T vào ngày 11/12/2002. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống vì vậy vợ chồng không có hạnh phúc, vợ chồng ly thân từ tháng 5 năm 2019 đến nay. Anh L và chị L1 đều xác định tình cảm giữa vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ nên thống nhất thuận tình ly hôn.

Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành, anh L và chị L1 vẫn thống nhất yêu cầu được thuận tình ly hôn.

[2] Về quan hệ con chung: Anh L và chị L1 có 02 con chung là Vũ Diệu L2, sinh ngày 18 tháng 3 năm 2003 và Vũ Ngọc L3, sinh ngày 25 tháng 6 năm 2009. Ly hôn anh chị thống nhất giao cho anh Vũ Ngọc L trực tiếp nuôi dưỡng con chung Vũ Diệu L2, giao cho chị Dương Thị L1 trực tiếp nuôi dưỡng con chung Vũ Ngọc L3, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

[3] Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Anh L và chị L1 thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí: Anh L và chị L1 tự nguyện mỗi người nộp 150.000 đồng tiền lệ phí việc dân sự.

Xét thấy sự thỏa thuận của anh L và chị L1 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Vũ Ngọc L và chị Dương Thị L1 thuận tình ly hôn.

- Về quan hệ con chung: Anh Vũ Ngọc L và chị Dương Thị L1 có 02 con chung là Vũ Diệu L2, sinh ngày 18 tháng 3 năm 2003 và Vũ Ngọc L3, sinh ngày 25 tháng 6 năm 2009. Ly hôn anh chị thống nhất giao cho anh Vũ Ngọc L trực tiếp nuôi dưỡng con chung Vũ Diệu L2, giao cho chị Dương Thị L1 trực tiếp nuôi dưỡng con chung Vũ Ngọc L3, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Anh Vũ Ngọc L và chị Dương Thị L1 có quyền thăm nom chăm sóc con chung, yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

- Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Anh Vũ Ngọc L và chị Dương Thị L1 thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Vũ Ngọc L và chị Dương Thị L1 tự nguyện mỗi người nộp 150.000 đồng tiền lệ phí việc dân sự (Chuyển số tiền anh L và chị L1 mỗi người đã nộp 150.000 đồng, tại biên lai số 0003744 và biên lai số 0003745 ngày 19/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V thành lệ phí).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự.
- VKSND huyện V.
- Chi cục THADS huyện V.
- UBND xã V, huyện V.
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Hà Toàn Thắng